

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 17-9-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tâm

Ông Nguyễn Duy Tài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa:**  
Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị G, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương; trú tại: Lầu 5, số 31 ngõ T, đường T, Tân Trang, Tân Bắc, Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của chị Phạm Thị G: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; trú tại: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương – Là đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2024) (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Phạm Thị G: Anh Đặng Thái L, sinh năm 1985; trú tại: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; trú tại: Thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Vinh Phúc (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/02/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Phạm Thị G trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Vinh Phúc vào ngày 22/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống cùng bố mẹ

chồng một tuần sau đó vợ chồng chị về nhà bố mẹ để chị sống. Vợ chồng chị sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn khi chị có bầu 8 tháng thì sinh con. Sau khi sinh con thì anh Đ không quan tâm gì đến mẹ con chị, sau đó anh Đ không nói gì mà bỏ đi không quay lại nhà nữa. Bản thân anh Đ là người chồng, người cha không có trách nhiệm, chơi bời, nghiện ngập nên hai vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Do vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn và sống xa nhau lâu năm nên tình cảm không còn. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải, khuyên nhủ nhưng không thành. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/10/2011, hiện nay cháu đang ở cùng chị và bố mẹ chị, ly hôn chị đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Huy H và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc vào ngày 22/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở nhà bố mẹ đẻ anh ở xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc được khoảng 10 ngày thì chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ chị G tại Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Khi chị G sinh con xong ở bệnh viện về thì anh bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, với lý do: Anh làm nghề lái tàu nhưng ở nhà bố mẹ vợ anh chỉ làm nông, công việc không phù hợp nên anh về quê. Hiện nay, anh làm nghề lái tàu thuê (tàu cát) trên Sông Hồng, mức thu nhập ổn định 10.000.000đ/ tháng. Do anh không có nhà, đất gì nên đang ở nhờ cùng nhà mẹ đẻ anh tại thôn K, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng anh sống ly thân từ cuối năm 2011, thỉnh thoảng anh có gọi điện về cho chị G và nói chuyện với con, thi thoảng cũng về thăm cháu. Từ cuối năm 2019 vợ chồng anh không còn liên lạc với nhau nữa do chị G đi Đài Loan, thi thoảng anh có về nhà ngoại thăm con trai anh. Do khoảng cách địa lý, cũng lâu rồi vợ chồng không còn liên lạc với nhau nên anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Phạm Thị G có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị G có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/10/2011. Cháu ở với mẹ và ông bà ngoại từ khi sinh ra, hiện nay mẹ cháu đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan thì cháu ở cùng ông bà ngoại tại Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Ly hôn, do cháu quyết định ở với mẹ và mẹ cháu cũng có nguyện vọng được nuôi cháu nên anh cũng đồng ý để cháu ở với mẹ.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên tòa đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G với anh Đ, giao cháu Nguyễn Huy H cho chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Phạm Thị G đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 26/02/2024, chị Phạm Thị G có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị G ủy quyền cho chị Vũ Thị C tham gia tố tụng để quyết định những vấn đề về con cái và nhận những văn bản tố tụng của Tòa án, chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Phạm Thị G, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện việc kết hôn giữa chị G và anh Đ trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng, theo chị G thì ban đầu hai vợ chồng sống hòa thuận, đến khoảng năm 2011, do anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm gì với chị và con chung và anh Đ đã bỏ đi không sống cùng mẹ con chị và hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Đ cũng thừa nhận hai vợ chồng không sống cùng nhau, không còn liên lạc với nhau và hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ cuối năm 2011 nên hai vợ chồng không còn tình cảm. Việc hai vợ chồng không cùng chung sống nên không thể quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đó là nguyên nhân của những mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh

và ngày càng trầm trọng không thể giải quyết được. Nay chị G xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[5]. Về con chung: Vợ chồng chị G, anh Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/10/2011, hiện nay cháu H đang ở cùng chị G và bố mẹ chị G, ly hôn chị G đề nghị được nuôi cháu H, do cháu H có nguyện vọng ở cùng mẹ nên anh Đ cũng đồng ý để cháu H ở cùng mẹ. Qua làm việc với cháu H thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu. Hiện nay, chị G, anh Đ có công việc ổn định và có thu nhập nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống, sự phát triển về tâm sinh lý và sự chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ cũng như quyền lợi của cháu H, hơn nữa cháu H đã ở cùng mẹ từ khi sinh ra cho đến nay nên để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập và theo nguyện vọng của cháu H thì cần thiết giao cháu H cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị G có công việc, thu nhập ổn định và chị tự nguyện không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[6]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị G không đề nghị Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Phạm Thị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228, khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 25/10/2011, anh Đ không phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Phạm Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0007346 ngày 30/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Chị G đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Văn Nghĩa**